

QUYẾT ĐỊNH

Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 407/TTr-STC ngày 08 tháng 5 năm 2026 và Công văn số 5566/STC-GCS ngày 28 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Bình ổn giá

- Phân công các Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn

giá theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp đối với các mặt hàng, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

c) Sở Y tế chủ trì đối với các mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu.

d) Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chấp hành biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Định giá

1. Phân công cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá, chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan được phân công nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan).

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá đối với hàng hóa dịch vụ được quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP.

c) Đối với các trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Sau khi hoàn thành thẩm định phương án giá, cơ quan được phân công nhiệm vụ tại khoản 1 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP.

d) Đối với trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Cơ quan được phân công nhiệm vụ tại khoản 1 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá. Sau khi có văn bản định giá tối đa hoặc khung giá hoặc giá tối thiểu, cơ quan được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tổ chức rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá cụ thể.

Điều 5. Kê khai giá

1. Phân công cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ, chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh Cà Mau, các cơ quan được phân công tiếp nhận văn bản kê khai giá tại khoản 1 Điều này tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đăng tải Thông báo danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm. Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Thông báo Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thì cơ quan được phân công tiếp nhận văn bản kê khai giá tại khoản 1 Điều này rà soát Danh sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đăng tải Thông báo danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá bổ sung.

3. Cơ quan được phân công tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương.

Điều 6. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá số 16/2023/QH15. Cơ quan được phân công nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý.

Điều 7. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Sở Tài chính tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ, đột xuất trên địa bàn tỉnh, trực tiếp báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Thống kê tỉnh Cà Mau phối hợp cung cấp cho Sở Tài chính báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh; Phân tích diễn biến CPI của tỉnh trong kỳ báo cáo; phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

3. Phân công các cơ quan thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung, chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Cơ quan được phân công nhiệm vụ tại khoản 2 và khoản 3 Điều này định kỳ xây dựng báo cáo hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm gửi báo cáo về Sở Tài chính tổng hợp. Thời hạn gửi báo cáo như sau:

- a) Đối với báo cáo tháng: trước ngày 28 của tháng báo cáo.
- b) Đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm: Trước ngày 01 của tháng đầu quý sau.
- c) Đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

Điều 8. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì xây dựng, quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống cơ sở dữ liệu về giá, tổ chức thực hiện việc cập nhật các thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương đồng thời cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp xây dựng dữ liệu về giá, cập nhật kịp thời, chính xác, đầy đủ các thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý vào Cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 9. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính: Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác về việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các tổ chức trong danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực thực hiện kê khai giá trên địa bàn quản lý.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

- 1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.
- 2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 78/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

b) Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị chuyên môn về quản lý ngành, lĩnh vực và các đơn vị có liên quan triển khai, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện các nội dung về quản lý giá tại Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có phát sinh khó khăn vướng mắc hoặc nội dung đặc thù cần hướng dẫn, các đơn vị báo cáo về Sở Tài chính để hướng dẫn giải quyết theo quy định hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung vượt thẩm quyền.

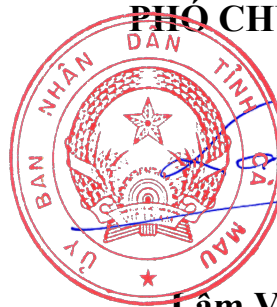
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB & TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (M08), M.A1238/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

Phụ lục I
CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH
VĂN BẢN ĐỊNH GIÁ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	- Sở Xây dựng đối với cảng, bến thủy nội địa; - Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với cảng cá
5	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Nước sạch	- Sở Xây dựng (đối với khu vực đô thị) - Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với khu vực nông thôn)
8	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	- Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ (đối với ngân sách nhà nước cấp tỉnh) - Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với ngân sách nhà nước cấp xã)

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
9	Dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp thực hiện đặt hàng	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
10	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về y tế; Sở Y tế chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
11	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế
12	Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế
13	Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn	Sở Y tế
14	Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế
15	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
16	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
17	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
18	Nhà ở công vụ, nhà ở xã hội thuộc tài sản công	Thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở; Sở Xây dựng chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
	Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư thuộc tài sản công	
	Nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về nhà ở	
19	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ
20	Đất thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về đất đai	Thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai
21	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
22	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
23	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
24	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng
25	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng	Sở Nông nghiệp và Môi trường
26	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng
27	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
28	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
29	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
30	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương
31	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng

Phụ lục II

CƠ QUAN TIẾP NHẬN VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu	Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể	Các Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng	Sở Xây dựng
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương

8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Xây dựng
12	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
14	Thiết bị y tế	Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
IV	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Xây dựng
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục III

CƠ QUAN TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG VÀ BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	NHÓM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
I	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM (theo quy định tại Mục 01 Phụ lục II, Thông tư 29/2024/TT-BTC)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP (theo quy định tại Mục 02 Phụ lục II, Thông tư 29/2024/TT-BTC)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III	VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT (theo quy định tại Mục 03 Phụ lục II, Thông tư 29/2024/TT-BTC)	Sở Xây dựng
1	Vật liệu xây dựng (theo quy định tại Mã hàng hóa 03.001 - 03.018 Mục 03 Phụ lục II, Thông tư 29/2024/TT-BTC)	Sở Xây dựng
2	Chất đốt (theo quy định tại Mã hàng hóa 03.019 Mục 03 Phụ lục II, Thông tư 29/2024/TT-BTC)	Sở Công thương
IV	DỊCH VỤ Y TẾ (theo quy định tại Mục 04 Phụ lục II, Thông tư 29/2024/TT-BTC)	Sở Y tế
V	GIAO THÔNG (theo quy định tại Mục 05 Phụ lục II, Thông tư 29/2024/TT-BTC)	Sở Xây dựng
VI	DỊCH VỤ GIÁO DỤC (theo quy định tại Mục 06 Phụ lục II, Thông tư 29/2024/TT-BTC)	Sở Giáo dục và Đào tạo
VII	HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KHÁC KHI CÓ YÊU CẦU BÁO CÁO ĐÓT XUẤT	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương